

Bản án số: 01/2023/DS-ST

Ngày: 31 - 3 - 2023

*“Về việc tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÀ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hoài

Các hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Ngọc Thành và ông Lê Công Nhận

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Hồng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Bà Tiêu Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 31-3-2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 48/2022/TLST - DS ngày 22 tháng 11 năm 2022 đối với *“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2023/QĐXXST-DS ngày 16-02-2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị Huyền T, sinh năm 1996, (có mặt)

Địa chỉ: Xóm 15, xã N, thành phố V, tỉnh Nghệ An

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Lang Thị D, sinh năm 1964; địa chỉ: Khối 14, phường T, thành phố V, tỉnh Nghệ An (*theo giấy ủy quyền ngày 14/11/2022*). (có mặt)

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1973 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn A, xã X, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương

- Người làm chứng:

+ Chị Vũ Thị N, sinh năm 1998, địa chỉ: Thôn L, xã S, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương (vắng mặt).

+ Chị Nguyễn Thị Phương T1, sinh năm 1999, địa chỉ: Thôn C, xã V, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương (vắng mặt).

+ Ông Trần Đức H, sinh năm 1964, địa chỉ: Thôn P, xã Đ, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình (vắng mặt).

+ Anh Phạm Văn T2, sinh năm 1976 (vắng mặt)

Cư trú tại: Xóm 6, thôn A, xã X, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, biên bản ghi lời khai có trong hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn chị Hoàng Thị Huyền T và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Lang Thị D trình bày: Ngày 20/3/2022 chị T cho bà Nguyễn Thị S vay số tiền 2.700.000.000 đồng (Hai tỷ bảy trăm triệu đồng), hai bên không viết giấy vay tiền, không thỏa thuận về lãi với giao ước bà S hứa sẽ trả số tiền trên trước ngày 08/4/2022. Cụ thể các lần chị chuyển tiền cho bà S gồm:

* Chuyển vào tài khoản số 0341007089828, ngân hàng Vietcombank, chủ tài khoản là chị Nguyễn Thị Phương T1 (chị T1 là con dâu bà S) tổng số tiền 1.100.000.000đ. Cụ thể các ngày:

+ Ngày 20/3/2022 chuyển 02 lần với số tiền 500.000.000 đồng (lần 1: số tiền 400.000.000 đồng, lần 2 số tiền 100.000.000 đồng.

+ Ngày 22/3/2022, chuyển số tiền 400.000.000 đồng

+ Ngày 24/3/2022 chuyển số tiền 200.000.000 đồng.

* Chuyển vào tài khoản số 0341007230857, ngân hàng Vietcombank, chủ tài khoản là chị Vũ Thị N (chị N là con gái bà S). Tổng số tiền 1.300.000.000 đồng, cụ thể:

+ Ngày 27/3/2022, chuyển 2 lần, lần 1 số tiền 200.000.000 đồng, lần 2 số tiền 300.000.000 đồng.

+ Ngày 30/3/2022, chuyển số tiền 400.000.000 đồng

+ Ngày 02/4/2022, chuyển số tiền 100.000.000 đồng

+ Ngày 04/4/2022 chuyển số tiền 300.000.000 đồng.

* Ngoài việc chuyển khoản vào 02 số tài khoản trên, chị T còn đưa trực tiếp tiền mặt cho bà S số tiền 300.000.000 đồng nhưng không viết giấy biên nhận.

Hết thời hạn cho vay bà S mới trả được 800.000.000 đồng, còn nợ 1.900.000 đồng chị T nhiều lần yêu cầu bà S trả nốt nhưng bà S không trả.

Bà S trả số tiền 775.000.000đ, còn nợ lại số tiền 1.925.000.000đ, Chị đã nhiều lần yêu cầu bà S thanh toán số tiền còn lại nhưng bà S không trả. Mặc dù số tiền bà S trả chị chưa đến 800.000.000đ, vì quan hệ thông gia hơn nữa bà S đang trong tình trạng khó khăn về kinh tế nên ngày 01/8/2022, chị và bà S viết giấy cam kết có chữ ký của chị T, bà S và người làm chứng ông H với nội dung: *bà S có mượn của chị T 2.700.000.000 đồng, đã trả 800.000.000 đồng, còn lại 1.900.000.000 đồng bà S hứa đến ngày 28/8/2022 sẽ trả cho chị một ít số tiền, hết thời hạn không thanh toán số tiền trên thì phải chịu lãi suất theo quy định của pháp luật.*

Do bà S không thực hiện đúng như cam kết, tháng 9/2022 chị S đã khởi kiện, tháng 11/2022 Tòa án đã thụ lý vụ án. Trong thời gian chị T có đơn khởi kiện, bà S tiếp

tục chuyển trả tiền chị T. Trong đơn khởi kiện chị T yêu cầu bà S trả số tiền 1.900.000.000đ trừ số tiền bà S đã trả (có hóa đơn và không có hóa đơn nhưng được hai bên thừa nhận), số tiền còn nợ lại hai bên thống nhất là **1.885.000.000đ**; ngày 14/3/2023 bà S chuyển trả tiếp số tiền 12.500.000đ. Như vậy số tiền bà S còn nợ lại các bên thống nhất số tiền **1.872.500.000đ (1.885.000.000đ – 12.500.000đ = 1.872.500.000đ)** tiền gốc và tính lãi suất không kỳ hạn theo quy định của ngân hàng Agribank từ tháng 22/11/2022 đến thời điểm xét xử sơ thẩm. Chị T yêu cầu bà S trả một lần và xác định số tiền cho bà S vay là tiền của cá nhân, không liên quan đến chồng chị.

Tại bản tự khai, biên bản ghi lời khai có trong hồ sơ và tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Thị S trình bày: Tháng 2/2022 bà có vay của chị T số tiền 2.400.000.000 đồng chứ không phải 2.700.000.000đ lãi suất thỏa thuận 100.000.000 đồng cứ 10 ngày trả lãi 20.000.000 đồng, lãi trả hàng tháng; bà có nhờ con dâu là chị T1 và con gái là chị N mở tài khoản tại ngân hàng Vietcombank để chị T chuyển số tiền trên vào tài khoản, các chị N, T1 đã rút tiền mặt đưa cho bà, bà đã nhận đủ số tiền 2.400.000.000 đồng và xác định chị N, chị T1 chỉ nhận tiền hộ và đưa cho bà chứ không vay của chị T. Khi vay không thỏa thuận thời hạn trả nợ, tiền lãi trả hàng tháng. Bà đã trả cho chị T tổng số tiền 1.322.000.000 đồng tiền gốc, tiền lãi trả riêng là 530.000.000 đồng, hiện còn nợ chị T là 1.000.000.000 đồng tiền gốc, chưa tính lãi. Bà xác định chị T không đưa cho bà 300.000.000 đồng tiền mặt. Sau khi chị T khởi kiện bà vẫn tiếp tục chuyển trả chị T. Bà S không giao nộp được căn cứ chứng minh đã trả nợ tiền gốc và lãi mà chỉ giao nộp được các hóa đơn chuyển tiền vào các ngày 29/3/2022; 08/4/2022; 31/3/2022; 05/4/2022; 05/9/2022; 21/10/2022, tổng số tiền chuyển vào tài khoản của chị T **775.486.000đ** (bao gồm cả phí chuyển tiền); ngày 14/3/2023 chuyển trả số tiền 12.500.000đ.

Tại phiên tòa, bà S công nhận còn nợ chị T số tiền nợ gốc là **1.872.500.000đ** bà đề nghị từ tháng 02 (âm lịch) năm 2023 bà xin trả dần chị T số tiền 10.000.000 đồng/tháng, nếu bà có thu nhập nhiều bà sẽ trả nhiều hơn và xin không trả lãi, nếu chị T không đồng ý bà chấp nhận trả lãi không kỳ hạn của Ngân hàng Agibank như đề nghị của chị T. Bà công nhận giấy cam kết chốt nợ ngày 01/8/2022 giữa bà và chị T là đúng, không yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết; việc vay nợ là do cá nhân bà vay không liên quan đến ông Tám.

Người làm chứng chị Vũ Thị N và chị Nguyễn Thị Phương T đều thống nhất trình bày: Chị N là con gái, chị T1 con dâu bà S. Các chị không quen biết chị T. Vì bà S không có tài khoản mở tại ngân hàng nên đã nhờ tài khoản của hai chị. Cụ thể: Số tài khoản 0341007230857 của chị N và số tài khoản 0341007089828 của chị T1 đều mở tại Ngân hàng Vietcombank để nhận tiền từ chị T chuyển đến, sau khi có tiền trong tài khoản chị N rút tiền mặt đưa cho bà S còn chị T1 chuyển tiền từ tài khoản của mình sang tài khoản của chị N để chị N rút tiền mặt đưa cho bà S. Tổng số tiền hai chị nhận được từ chị T bao nhiêu không nhớ, nhưng khi có tiền chị T chuyển đến các chị đều chuyển đến bà S. Chị N và chị T không biết bà S vay chị S bao nhiêu tiền và vay để làm gì.

Người làm chứng ông Trần Đức H trình bày: Ông là người lái xe chở chị T từ thành phố Thái Bình đến nhà bà S. Tại nhà bà S chị T có yêu cầu bà S viết giấy cam kết về khoản tiền bà S nợ chị T nhưng bà S không viết. Sau đó chị T viết và yêu cầu bà S ký vào giấy, tôi ký vào giấy cam kết với tư cách là người làm chứng. Tôi thấy việc bà S ký vào giấy cam kết là hoàn toàn tự nguyện, không có sự ép buộc.

Ông Phạm Văn T2 trình bày: Ông là anh em kết nghĩa với bà S, bà S ăn ở và sinh sống tại nhà ông. Ông chứng kiến ngày 01/8/2022 tại nhà ông, chị T và bà S có ký giấy cam kết nợ, không biết giấy cam kết được viết sẵn hay chưa viết, việc bà S vay nợ chị T là cá nhân bà S không liên quan đến ông, đi cùng chị T còn có 02 người đàn ông, không có việc đe dọa mà người đàn ông đưa giấy cho bà S ký nên bà S đã ký.

Tại phiên tòa: Các đương sự đã thống nhất số tiền gốc, thời gian và mức lãi suất tiền vay không kỳ hạn của Ngân hàng Agribank Chi nhánh Thanh Hà, Hải Dương.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật và chấp hành pháp luật tố tụng của thẩm phán; hội đồng xét xử; thư ký phiên tòa; các đương sự đã chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 2 Điều 155 và khoản 1 Điều 166 của Bộ luật dân sự; Các điều 357, 429, 463, 465, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự năm 2015. Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà S phải trả chị T tổng số tiền gốc và lãi là 1.932.888.000đ.

- Chị T được trả lại số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm. Bà S phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định.

[1] Về Quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xem xét yêu cầu khởi kiện:

Nguyên đơn đã giao nộp được các căn cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện gồm: Bản chính giấy cam kết ngày 01/8/2022; các chứng từ sao kê của ngân hàng.

Bị đơn tại giai đoạn chuẩn bị xét xử không thừa nhận vay số tiền 300.000.000 đồng đưa trực tiếp bằng tiền mặt như chị T trình bày; chị T cho vay với lãi suất cao cứ 100.000.000 đồng trong 10 ngày trả lãi 20.000.000 đồng, lãi trả hàng tháng tuy nhiên bà

S không giao nộp các căn cứ chứng minh.

Tại phiên tòa sơ thẩm; nguyên, bị đơn thống nhất xác định: Bà S vay của chị T tổng số tiền gốc 2.700.000.000đ (*Hai tỷ bảy trăm triệu đồng*) tính đến tháng 4/2022 bà S đã chuyển khoản trả tiền gốc tổng số tiền 775.000.000đ (không tính phí chuyển tiền). Ngày 01/8/2022 hai bên đã cam kết chốt nợ, bà S trả được số tiền gốc 815.000.000đ (*tám trăm mười năm triệu đồng*), số tiền còn nợ lại là 1.885.000.000đ (*Một tỷ tám trăm tám mươi năm triệu đồng*); ngày 14/3/2023 bà S trả tiếp chị T số tiền 12.500.000đ. Số tiền còn nợ lại 1.872.500.000đ. Hai bên đề nghị tính lãi theo lãi suất tiền vay không kỳ hạn của ngân hàng Agribank - Chi nhánh Thanh Hà, tỉnh Hải Dương, tính từ 22/11/2022 (ngày tòa án thụ lý) đến ngày xét xử sơ thẩm 31/3/2023 (129 ngày).

* Số tiền lãi tính được như sau: Trong giấy cam kết hai bên thỏa thuận *thời hạn trả 28/8/2022 trả một ít số tiền nếu không thanh toán thì phải trả lãi suất*, thỏa thuận này không cụ thể số tiền phải trả và mức lãi suất. Thực tế sau ngày 28/8/2022 bà S vẫn tiếp tục chuyển trả tiền, nay chị T yêu cầu trả lãi bà nhất trí. Theo cung cấp của ngân hàng Agribank, lãi suất vay không kỳ hạn bằng đồng Việt Nam tại thời điểm xét xử là 9%/năm = 0,75%/tháng. Tổng số tiền lãi tính được $1.872.500.000đ \times 0,75\%/tháng = 14.43.000đ/tháng : 30 ngày = 468.000đ/ngày \times 129 ngày = 60.388.000đ$ (làm tròn số). Yêu cầu khởi kiện có căn cứ được chấp nhận. Buộc bị đơn bà S phải trả tiền gốc và lãi cho nguyên đơn.

Về án phí: Chị T khởi kiện có căn cứ chấp nhận nên được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bà Nguyễn Thị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 2 Điều 155 và khoản 1 Điều 166 của Bộ luật dân sự; Các điều 357, 429, 463, 465, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự năm 2015. Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị Huyền T.

[2]. Buộc chị Nguyễn Thị S phải trả nợ cho chị Hoàng Thị Huyền T số tiền gốc 1.872.500.000đ (*Một tỷ tám trăm bảy mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng*) và số tiền lãi 60.388.000đ (*sáu mươi triệu ba trăm tám mươi tám nghìn đồng*). Tổng số tiền gốc và lãi là 1.932.888.000đ. (*Một tỷ chín trăm ba mươi hai triệu tám trăm tám mươi tám nghìn đồng*).

Kể từ ngày người có quyền có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án

chậm thi hành thì phải chịu lãi suất trên số tiền chậm thi hành cho đến khi thi hành xong. Mức lãi suất theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự.

[3]. Về án phí:

- Trả lại chị Hoàng Thị Huyền T số tiền 34.500.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000639 ngày 18 tháng 11 năm 2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

- Buộc bà Nguyễn Thị S phải chịu số tiền 69.986.000^d (Sáu mươi chín triệu chín trăm tám mươi sáu nghìn đồng) (làm tròn số) án phí dân sự sơ thẩm.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 31/3/2023.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo các quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương.
- VKSND huyện Thanh Hà;
- Chi cục THADS huyện Thanh Hà;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

NGUYỄN THỊ THU HOÀI